

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ. H
TỈNH K. T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày: 25-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà Y H

2./ Ông Vũ Văn D

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Đức H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST- HS ngày 22 tháng 3 năm 2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

A X, sinh ngày 15/4/2004 tại tỉnh K. T. Nguyên quán: xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Nơi thường trú: Thôn Kon RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Tơ Đra; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A H, sinh năm 1980 và bà Y X, sinh năm 1980. Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo là con thứ 08 trong gia đình có 11 anh, chị, em ruột. Lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 12/01/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh A Th; Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Đăk Kơ Đêm, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ A G, sinh ngày: 19/8/2009.

Địa chỉ: Thôn Đ. K. Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của A G: Anh A R, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ. K.Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).

+ A Tr, sinh ngày 07/4/2007

Địa chỉ: Thôn Kon RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của A Tr: Anh A H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Kon RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).

+ A H, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Có mặt).

+ A B, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn Plei Gr, xã Ch. Hr, thành phố K. T, tỉnh K. T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 31/8/2022, A H (*Sinh năm: 2002; Trú tại: Thôn 8, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T*) đi đến thôn Đ. K. Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T chơi. A H gặp và rủ A G (*Sinh ngày: 19/8/2009; Trú tại: Thôn Đ. K. Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T*), A X (*Sinh năm: 2004, trú tại: Thôn K. RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T*), A Tr (*Sinh ngày: 07/4/2007; trú tại: Thôn K. RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T*) đi trộm cắp tài sản của người dân để bán lấy tiền tiêu xài thì cả ba đồng ý. Sau đó, A H cùng A G, A X, A Tr đi bộ đến đoạn đường bê tông thuộc thôn K. RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T thì cả nhóm nhìn thấy 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen của anh A Th (*Sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn Đ. K. Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T*) dựng trên đường bê tông trước nhà người dân. Quan sát thấy xe mô tô không có người trông coi, A H nói A Tr, A X đứng gần đó cảnh giới còn A H và A G lén lút tiến lại xe mô tô trên. Sau khi kiểm tra xe không khóa cở, A H và A G đẩy xe mô tô trên đi tới vị trí mà A Tr và A X đứng cảnh giới. Tại đây, A X dùng tay tháo dây điện từ ổ khóa xe mô tô vừa trộm cắp được rồi đạp nổ máy, sau đó A H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở theo A X xuống nhà A B (*Sinh năm: 2003; Trú tại: Thôn Plei Gr, xã Ch. Hr, thành phố K. T, tỉnh K. T*) tại xã Ch Hr, thành phố K. T, tỉnh K. T, còn A Tr và A G đi về nhà. Khi gặp A B, A H nhờ A B bán xe mô tô trên thì A B đưa cho A H số tiền 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) và nói với A H khi bán được xe sẽ đưa thêm tiền, A H đồng ý và nhận số tiền trên rồi đưa chiếc xe mô tô trộm cắp được ở xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T cho A B rồi A H, A X đi về. Số tiền 500.000đ có được từ việc bán tài sản do trộm cắp mà có, A H và A X đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ. H, tỉnh K. T kết luận: 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS, màu sơn Đen + Xám, số khung: 3240JY141599, số máy: E3X9E390607, biển kiểm soát 82B1 – 633.71 có giá trị thành tiền là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSĐH ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T truy tố bị cáo A X về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H phát biểu lời

luận tội đối với bị cáo A X. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố: Bị cáo A X phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A X mức án từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 12/01/2024.

Ngoài ra, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo A X thành khẩn khai nhận tòa bộ hành vi phạm tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ. H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Tại phiên tòa, bị cáo A X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội thể hiện;

Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của bị hại, vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 31/8/2022, A Xuôi cùng với A H, A G và A Tr đã lén lút trộm cắp 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 82B1 – 633.71 của anh A Th tại thôn K. RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T với tổng giá trị thiệt hại là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*).

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A X đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi đó của bị cáo A X đã

phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo gây nguy hại cho xã hội, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự chính trị tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân, và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo A X không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A X đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp cũng đã được cơ quan điều tra thu hồi hoàn trả cho bị hại. Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A X. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về phần tránh nhiệm dân sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy, đây là vụ án “*Trộm cắp tài sản*” có tính chất giản đơn. Hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn nhưng đã gây hoang mang bất bình trong dư luận quần chúng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 31/8/2022 tại thôn K. Rng, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T, bị cáo A X. đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 12/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H đã bắt người đang bị truy nã đối với bị cáo A X. Điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo thấp. Do đó, HĐXX xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại đã nhận lại tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô. Bị cáo A X và A H đã bồi thường cho bị hại A Th tổng số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) trong đó bị cáo A X đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[7] *Về vật chứng của vụ án*: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, xe không gắn biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng. Ngày 11/9/2023 anh A Th có đơn xin nhận lại tài sản. Xét thấy việc trả lại tài sản cho người bị hại không ảnh hưởng đến quá trình điều tra xử lý vụ án. Ngày 03/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh A Th để tiếp tục quản lý sử dụng. HĐXX xét thấy việc trả lại tài sản là phù hợp nên không xem xét.

[8] *Các vấn đề khác*:

Đối với A H: Trong vụ án này, ngày 11/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Đ. H đã xét xử bị cáo A H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, mức án 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng nên HĐXX không xem xét.

Đối với A G: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, A G mới 15 tuổi 4 tháng 24 ngày, hành vi vi phạm thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A G. Căn cứ Điều 12 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*) đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Công an huyện Đ. H không xem xét xử lý đối với A G là phù hợp.

Đối với A Tr: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, A Tr mới 13 tuổi 12 ngày. Vì vậy, căn cứ Điều 12 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*) nên không xem xét xử lý đối với A Tr là phù hợp.

[9] *Về án phí*: Bị cáo A X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên. Bị cáo A X là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại Thôn K. RNg, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T đây là vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 433/QĐ-UBNT ngày 18/6/2021 của Ủy ban dân tộc Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 nên bị cáo A X được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A X phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A X 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 12/01/2024.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy Ban Dân Tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A X.

Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/4/2024) bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh K. T để yêu cầu giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1, TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đ. N;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Công an huyện Đ.H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Văn N